

TỔNG QUAN VỀ HỢP ĐỒNG ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ: MỘT SỐ PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ VỀ KHUNG PHÁP LÝ CHO PPP CỦA VIỆT NAM

PGS.TS. TRẦN VIỆT DŨNG
Trưởng Khoa Luật Quốc tế, ĐH Luật TP.HCM
TS. NGUYỄN THỊ HOA
GV Khoa Luật Quốc tế, ĐH Luật TP.HCM

1

Tổng quan về mô hình đầu tư đối tác công tư

Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (public private partnership, sau đây gọi tắt là “PPP”) là hình thức đầu tư được thực hiện trên cơ sở hợp đồng dự án giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư tư nhân nhằm thực hiện các dự án xây dựng phát triển hạ tầng và cung cấp dịch vụ công.

Mô hình PPP - chia sẻ lợi ích và rủi ro giữa nhà nước và nhà đầu tư tư nhân thông qua triết lý phân công: mỗi bên đảm nhận phần việc mình làm tốt nhất.

2

2

Tại sao lại có PPP?

Nhà nước

- Chính sách
- Công cụ pháp lý
- Đất đai

- ✓ Hạn chế ngân sách
- ✓ Quản trị dự án không hiệu quả
- ✓ Kết cấu hạ tầng yếu
- ✓ Áp lực phát triển hạ tầng



Nhà đầu tư tư nhân

- Vốn
- Nguồn nhân lực
- Kỹ thuật

3

Nguồn gốc của PPP

- Mô hình hợp tác công-tư bắt đầu được hình thành tại Hoa Kỳ: dự án đường quốc lộ Philadelphia - Lancaster Turnpike vào năm 1792.
- Mô hình PPP hiện đại với các quy định chặt chẽ về các phương thức hợp tác như hiện nay được hình thành từ Anh Quốc đầu thập niên 1990: “Sáng kiến tài chính tư” (PFI) mục tiêu khuyến khích các nhà đầu tư tư nhân tham gia vào các dự án công ích của chính phủ.
- Tại Pháp: Luật PPP 2002 quy định cho phép áp dụng PPP cho các công trình công cộng đặc thù như trụ sở quân đội, trụ sở cảnh sát, nhà tù...

4

4

PPP vs. tư nhân hóa tài sản công

Tư nhân hóa

Nhà nước thoái vốn hay từ bỏ quyền sở hữu, quản lý của tài sản và chuyển giao các quyền này cho nhà đầu tư tư nhân

Đầu tư PPP

Nhà nước vẫn giữ nguyên quyền quản lý, kiểm soát nhất định, đồng thời có thể đặt ra những chuẩn mực, yêu cầu ràng buộc về cam kết chất lượng và dịch vụ đối với nhà cung cấp tư nhân

5

5

Hợp đồng PPP

Luật PPP 2020

Hợp đồng PPP là hợp đồng được ký kết giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của Luật [PPP].



Chủ thể

Mục đích

Luật điều chỉnh

Tính rủi ro

6

6

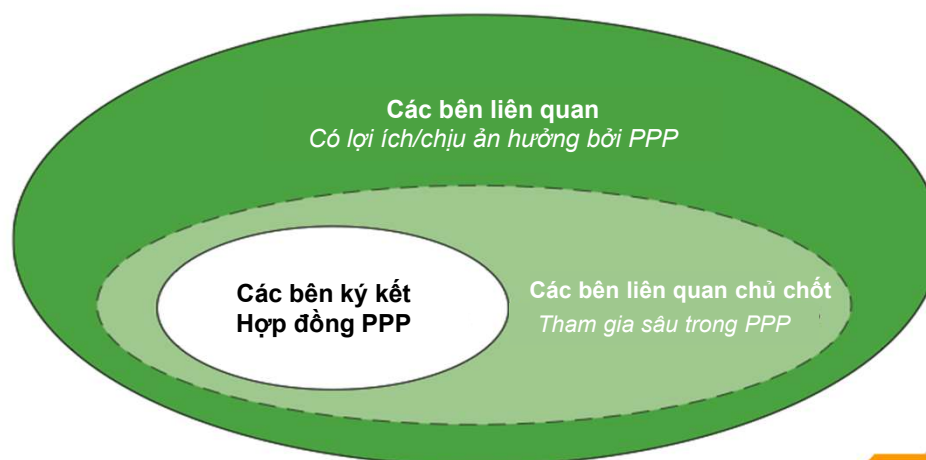
Các loại hợp đồng PPP

- **Hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao** (BOT)
- **Hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao – Kinh doanh** (BTO)
- **Hợp đồng Xây dựng – Sở hữu – Kinh doanh** (BOO)
- **Hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao – Thuê dịch vụ** (BTL)
- **Hợp đồng Xây dựng – Thuê dịch vụ – Chuyển giao** (BLT)
- **Hợp đồng Kinh doanh – Quản lý** (O&M)

7

7

Sự cần thiết của khung pháp lý cho PPP



8

8

Khung pháp lý của Việt Nam về PPP

- 1997 Nghị định 77/1997/NĐ-CP về quy chế đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT áp dụng cho đầu tư trong nước.
- 2012 Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 khẳng định chính sách ủng hộ PPP.
- 2015 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP
- 2018 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP
- 2020 **Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP)** – tạo hành lang pháp lý thuận lợi và minh bạch cho quản lý PPP

9

9

Luật PPP

- ☐ Quy định rõ 5 lĩnh vực đầu tư được phép thực hiện phương thức PPP
- ☐ Bảo đảm minh bạch hóa các thông tin về dự án PPP
- ☐ Quy định về Doanh nghiệp dự án PPP
- ☐ Quy định về cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu của dự án

10

10

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC LÀM RÕ

- Nhà nước chia sẻ rủi ro về doanh thu (Đ 82.2): Có được áp dụng cho trường hợp doanh thu không đạt do lỗi quản lý và vận hành của nhà đầu tư hay không?
- Chưa quy định về chi phí quản lý giám sát thường xuyên của dự án PPP: mới chỉ quy định chi phí cho giám sát chất lượng sản phẩm hoặc dịch vụ công (Điều 66) và giám sát chất lượng công trình (Điều 59).
- Chưa có quy định rõ về trách nhiệm về rủi ro trong quá trình khai thác hoặc vận hành công trình của nhà đầu tư đối với BOT, BTO?
- Quy định về phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại.

11

11

XIN CẢM ƠN

12